

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HS-ST

Ngày 02 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Anh Nhất

Ông Lê Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2021/TLST - HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

2. Lê Văn T, sinh năm 1991 tại: Xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn TL, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1 và bà Lê Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1991 và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/9/2020 đến ngày 17/9/2020 chuyển tạm giam; từ ngày 11/11/2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

1. Lê Văn C, sinh năm 1990 tại: Xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn TL, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th và bà Phạm Thị L2, chưa có vợ;

Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/9/2020 đến ngày 17/9/2020 chuyển tạm giam; từ ngày 11/11/2020, được thay thế biện pháp ngăn

chặn từ tạm giam sang bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

* *Người làm chứng*: Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TL, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 12/9/2020, Lê Văn T, sinh năm 1991 và Lê Văn C, sinh năm 1990, đều trú tại thôn: TL, xã L, huyện N rủ nhau đi uống café, ở xã S, sau khi uống café xong, trên đường đi về T rủ C đi cướp giật điện thoại về để sử dụng thì được C đồng ý. T và C sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh ngọc, biển kiểm soát 36B6 - 941.93 (của bà Phạm Thị L2 là mẹ Lê Văn C) đi từ xã L lên xã S uống café. Đến khoảng 20 giờ T lái xe chở C đi chuyển theo đường tỉnh lộ 525 đến thị trấn N. Cả hai thống nhất đi trên đường quan sát xem ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi đến xã M cả hai thấy chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã M đang điều khiển xe mô tô đi chuyển cùng chiều, phía tay lái bên trái xe mô tô của chị L3 đang treo 01 túi nilon màu đỏ. T và C đi theo chị L3 đến trạm điện ở tiểu khu LX thì T tăng tốc, áp sát bên trái giật túi nilon đang treo trên xe của chị L3 rồi đưa cho C sau đó bỏ chạy về hướng thị trấn N. Khi đến cây xăng xã V, C kiểm tra trong túi có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo và 600.000đ sau đó C vứt túi nilon ở gần cây xăng xã V. Do điện thoại có cài mật khẩu nên T và C đi xuống xã TS, thị xã TS vào một cửa hàng sửa điện thoại để mở khóa hết 150.000đ. Số tiền còn lại T lấy 200.000đ còn C lấy 250.000đ.

Cùng ngày 12/9/2020, chị Nguyễn Thị L3 đến trình báo về việc bị 02 người lạ mặt giật mất 01 điện thoại Vivo Y19 và 600.000đ ở đoạn trạm điện tiểu khu LX.

Ngày 14/9/2020, Lê Văn T và Lê Văn C đến đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lê Văn T chủ động giao nộp 01 điện thoại Vivo, 02 sim điện thoại.

Ngày 15/9/2020, ông Lê Văn Th là bố đẻ của Lê Văn C đến giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 36B6 - 941.93 cho Cơ quan CSĐT.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 38/ĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nông Cống ngày 16/9/2020, kết luận:

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu trắng xanh, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng có giá trị là 2.250.000đ.

- 01 Phôi sim nhà mạng VIETTEL có giá trị là 25.000đ.

- 01 Phôi sim nhà mạng VINAPHONE có giá trị là 25.000đ.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm tại khu vực gần cây xăng xã Vạn Thiện theo lời khai của các bị can, đã tìm thấy 01 túi nilon màu đỏ theo mô tả.

* Vật chứng vụ án:

- Chiếc điện thoại Vivo Y19 và 02 sim điện thoại sau khi định giá tài sản, 01 túi nilon màu đỏ, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị L.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh ngọc, biển kiểm soát 36B6 - 941.93 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Phạm Thị L2.

* Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra các bị cáo đã chủ động nhờ gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho chị L3 số tiền 600.000đ, ngoài ra hai bị cáo T và C còn bồi thường thêm 1.000.000đ theo yêu cầu của chị L3. Sau khi nhận lại điện thoại, 02 sim điện thoại và tiền bồi thường, người bị hại không yêu cầu các bị can phải bồi thường thêm.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSNC ngày 13/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn T và Lê Văn C về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội cướp giật tài sản đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 BLHS đối với cả 2 bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 32 đến 35 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, bị cáo Lê Văn C từ 30 đến 32 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại và người làm chứng và các tang vật chứng thu giữ được. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh vào tối ngày 12/9/2020, Lê Văn T và Lê Văn C đã có hành vi sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh ngọc, biển kiểm soát 36B6 - 941.93 di chuyển theo đường tỉnh lộ 525 đến thị trấn N nhằm mục đích có ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi đến xã M cả hai thấy chị Nguyễn Thị L3 đang điều khiển xe mô tô di chuyển cùng chiều, trên tay lái bên trái xe mô tô của chị L3 đang treo 01 túi nilon màu đỏ. T và C đi theo chị L3 đến trạm điện ở tiểu khu LX thì T điều khiển xe tăng tốc, áp sát bên trái cướp giật túi nilon đang treo trên xe của chị L3, bên trong túi nilon có 01 điện thoại Vivo Y19 màu trắng xanh, 02 sim giá trị 2.300.000đ và 600.000đ tiền Việt Nam đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo cướp giật của chị L3 là 2.900.000đ; Khi phạm tội, các bị cáo Lê Văn T và Lê Văn C sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là chính xác.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi dùng xe mô tô là dùng thủ đoạn nguy hiểm cướp giật tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, làm mất trật tự trị an, an toàn địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý và bảo vệ tài sản. Vì vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, bảo đảm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cho từng người, mà cùng thống nhất ý chí và cùng hành động, khi nghe T nói đi cướp giật tài sản thì C đồng ý và dùng xe mô tô của bà Phạm Thị L2 (là mẹ của C), T chở C di chuyển trên đường xem có người nào sơ hở thì cướp giật. Khi gặp chị L3 thì T điều khiển xe tăng tốc, áp sát và cướp giật túi của chị L3. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo C.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; 2 ngày sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đến cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách vẫn đủ cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo có tội, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Lê Văn C phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 BLHS đối với cả hai bị cáo.

Xử phạt: Lê Văn T 32 (Ba mươi hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/02/2021).

Xử phạt: Lê Văn C 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/02/2021).

Giao các bị cáo Lê Văn T và Lê Văn C cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Văn T và Lê Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/02/2021). Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Xuân Tuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Tuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Tuyên